

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự án/ dự toán mua sắm: Thực hiện phương án Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028;
- Địa điểm thực hiện: xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long;
- Tên chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Tam Ngãi;
- Nguồn vốn: Ngân sách xã và Nguồn thu giá dịch vụ;
- Thời gian thực hiện: năm 2026 – năm 2028;
- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Thực hiện thu gom, vận chuyển giai đoạn 2026-2028;
- Nội dung công việc gói thầu: Thực hiện công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Tam Ngãi, giai đoạn 2026 – 2028;
- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 36 tháng;
- Giá gói thầu được duyệt: 2.840.681.005 VND.

Trong đó:

- + *Ngân sách cấp bù: 1.190.081.005 VND;*
- + *Nguồn thu giá dịch vụ: 1.650.600.000 VND*
- Nguồn vốn: Ngân sách xã và nguồn thu giá dịch vụ;
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.
- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, giảm thiểu tối đa lượng chất thải rắn phát sinh, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn theo các nguyên tắc: CTRSH phát sinh sẽ được phân loại, thu gom và vận chuyển về khu vực xử lý theo đúng quy định

nhằm hạn chế và giảm thiểu đến mức thấp nhất việc gây ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

- Khai thác tốt nguồn thu giá dịch vụ sử dụng và tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải từng bước hướng đến đảm bảo theo nguyên tắc: Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động này; đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể chức năng và nhiệm vụ cho từng đơn vị/tập thể thực hiện.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo $\geq 80\%$ hộ dân tham gia dịch vụ thu gom.

- Đảm bảo điểm tập kết đạt chuẩn vệ sinh; đảm bảo các tuyến đường liên xã, liên ấp, Quốc lộ, đường tỉnh đều được thu gom.

- Tai nạn lao động và sự cố môi trường liên quan thu gom – vận chuyển: 0 vụ nghiêm trọng.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TAM NGÃI

1. Cơ chế, chính sách về quản lý CTR

Trong giai đoạn 2023-2025, Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Cầu Kè được thực hiện theo Đề án được duyệt. Cụ thể:

Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2023-2025. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể:

- Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc phê duyệt đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè – Giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc phê duyệt dự toán thu gom, vận chuyển và thu giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè – Giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của nhà thầu trong công tác thu gom và xử lý trong suốt thời gian đã qua. Tổ chức tuyên truyền thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã/thị trấn thuộc huyện Cầu Kè cũ.

Hiện tại, UBND xã Cầu Kè đã được UBND tỉnh Vĩnh Long thống nhất về chủ trương chuyển chủ đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn còn lại của năm 2025 trên địa bàn xã quản lý¹. UBND xã Tam Ngãi tổ

¹ Công văn số 2001/UBND-KTN ngày 20/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện trên địa bàn xã Tam Ngãi và phối hợp UBND xã Cầu Kè để tổ chức nghiệm thu.

2. Quy hoạch quản lý CTR

Tính đến thời điểm hiện tại, việc quản lý CTRSH được thực hiện theo hình thức xã hội hóa, cụ thể các đơn vị có đủ chức năng và năng lực đấu thầu tham gia thực hiện, theo đó các đơn vị này sẽ tổ chức thu giá dịch vụ các hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan,... và định kỳ báo cáo đến cơ quan chủ đầu tư trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể như sau:

Công tác thu gom, vận chuyển: trên địa bàn xã Tam Ngãi do Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy thực hiện². Toàn bộ lượng CTRSH trên địa bàn xã đều được thu gom, vận chuyển về Bãi rác huyện Cầu Kè³ xử lý.

Công tác xử lý: toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Cầu Kè nói riêng và các xã thuộc địa bàn huyện Cầu Kè (cũ) nói chung đều được vận chuyển về Bãi rác huyện Cầu Kè xử lý. Hình thức xử lý: xử lý đốt bằng lò đốt có công suất 500kg/giờ và vận hành bãi rác do HTX Xây dựng Môi trường Trà Vinh thực hiện⁴.

3. Thực trạng phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn chủ yếu phát sinh tại hộ gia đình, công sở (cơ quan, trường học, ...); khu công cộng (công viên, khu vui chơi giải trí, đường ...). Trong những năm gần đây, khối lượng chất thải nhựa (CTN) phát sinh có xu hướng tăng. Sự gia tăng lượng CTN theo thời gian có liên quan đến xu thế phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu và thói quen của người dân đối với tiêu dùng sản phẩm nhựa. Xu hướng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, đặc biệt là dụng cụ ăn uống và đựng thực phẩm đã gia tăng nhanh chóng⁵. Tỷ lệ chất thải bao bì, túi nilon trung bình tại bãi chôn lấp CTRSH chiếm khoảng từ 6 - 8%⁶.

Thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thực phẩm thừa, rác vườn...) chiếm tỷ lệ lớn nhất (52% - 72%) với độ ẩm rất cao (70% - 85%), cùng với nhiệt độ cao là nguyên nhân chính gây nên mùi hôi thối, phát sinh nước rỉ rác, làm ô nhiễm môi trường (đất, nước mặt, nước ngầm) trên diện rộng, đặc biệt là tại bãi chôn lấp do CTRSH bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí và dưới tác dụng của vi sinh vật. Ngoài ra thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học là môi trường thuận lợi cho sự phát triển và lan truyền các loại côn trùng và động vật gây bệnh (ruồi, muỗi, bọ chét, chuột, gián...), gây ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. Nếu không được quản lý hợp

² Hợp đồng số 08/HĐ-TNMT ngày 19 tháng 03 năm 2021 giữa Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè với Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy về việc thực hiện Gói thầu: Thu gom, vận chuyển và giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè, giai đoạn 2021-2025.

³ Bãi rác huyện Cầu Kè tọa lạc tại ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long.

⁴ Hợp đồng số 05/HĐ-XLCTR ngày 29/6/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè và HTX Xây dựng Môi trường Trà Vinh.

⁵ Nhà xuất bản Thanh niên. 2023. Báo cáo tình hình phát sinh chất thải nhựa năm 2022.

⁶ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tờ trình Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam, tháng 12 năm 2019.

lý, tác động tiêu cực của CTRSH đối với môi trường, kinh tế xã hội và sức khỏe cộng đồng là không thể tránh khỏi⁷.

Việc phân loại rác tại hộ gia đình còn hạn chế, còn tình trạng người dân bỏ rác không đúng quy định. CTRSH sẽ là một nguồn gây ô nhiễm môi trường lớn nếu không có biện pháp quản lý hiệu quả.

Hiện tại, tỷ lệ lớn chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, vận chuyển đến bãi chôn lấp để xử lý bằng hình thức chôn lấp lộ thiên. Việc phân loại CTRSH tại khu vực nông thôn chủ yếu được tiến hành tại hộ gia đình đối với một số loại chất thải như giấy, bìa carton, kim loại (để bán), chất thải thực phẩm (sử dụng cho chăn nuôi, ủ phân hữu cơ) để đáp ứng chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Các thành phần khác hầu hết không được phân loại mà để lẫn, bao gồm các thành phần có khả năng phân hủy và khó phân hủy như túi nilon, thủy tinh, cành cây, lá cây, hoa quả, xác động vật chết... Việc phân loại đem lại hiệu quả chưa cao, mang tính riêng lẻ, không đồng bộ, chưa được nhân rộng. Hoạt động tái chế, tái sử dụng CTRSH chưa phổ biến, chủ yếu được thực hiện tại một số hộ gia đình và hoạt động tự phát tại bãi rác do đội ngũ thu nhặt phế liệu.

Nhìn chung, CTRSH chưa được phân loại ở các địa phương, hiện nay người dân chỉ chứa riêng những chất thải còn giá trị kinh tế để bán lại cho vựa ve chai mà không nhằm mục đích phân loại theo hình thức phân chia, tách các chất thải rắn (CTR) khó phân huỷ sinh học ra khỏi CTR dễ phân huỷ để giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp khi khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày càng tăng, diện tích cho chôn lấp bị hạn chế.

Thực trạng thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn huyện Cầu Kè cũ: Để xác định khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn 4 xã sau khi sáp nhập là Cầu Kè, Phong Thạnh, An Phú Tân và Tam Ngãi, đồng thời làm cơ sở cho công tác lập Phương án, Phòng Kinh tế các xã đã phối hợp cùng với các cơ quan ban ngành tại các địa phương, Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy (đơn vị thu gom) tiến hành cân khối lượng CTRSH được thu gom tại trạm cân của Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh (đơn vị xử lý), cụ thể như sau:

Bảng 1: Tổng hợp khối lượng CTRSH được cân từ ngày 01/12/2025 đến 07/12/2025

Stt	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian		Biển số xe	Trọng lượng cân lần 1 (kg)	Trọng lượng cân lần 2 (kg)	Khối lượng rác (kg)
		Vào	Ra				
A	B	C	D	E	F	G	H = (G-F)
1	01/01/2026	07:25:22	07:42:16	61C-21492	12.260	6.870	5.390
2	01/01/2026	11:12:33	11:27:58	61C-21492	12.460	6.850	5.610
3	01/01/2026	14:38:12	14:47:29	61C-21492	12.070	6.850	5.220

⁷ Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2020. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 Chuyên đề Quản lý Chất thải rắn sinh hoạt.

Stt	Ngày/ tháng/ năm	Thời gian		Biển số xe	Trọng lượng cân lần 1 (kg)	Trọng lượng cân lần 2 (kg)	Khối lượng rác (kg)	
		Vào	Ra					
A	B	C	D	E	F	G	H = (G-F)	
	01/01/2026	18:21:18	18:41:12	61C-21492	11.790	6.860	4.930	
	Tổng						21.150	
1	02/01/2026	07:26:53	07:41:09	61C-21492	12.440	6.860	5.580	
2	02/01/2026	10:51:59	10:58:38	61C-21492	12.170	6.870	5.300	
3	02/01/2026	15:17:54	15:22:34	61C-21492	12.370	6.870	5.500	
	02/01/2026	18:27:12	18:39:35	61C-21492	12.050	6.850	5.200	
	Tổng						21.580	
1	03/01/2026	07:05:00	07:12:27	61C-21492	11.680	6.850	4.830	
2	03/01/2026	10:54:24	11:14:54	61C-21492	12.420	6.870	5.550	
3	03/01/2026	13:58:11	14:07:49	61C-21492	12.330	6.860	5.470	
	03/01/2026	16:59:29	17:29:01	61C-21492	12.050	6.850	5.200	
	Tổng						21.050	
1	04/01/2026	08:37:19	08:42:40	61C-21492	12.520	6.870	5.650	
2	04/01/2026	11:42:30	11:49:45	61C-21492	12.360	6.850	5.510	
3	04/01/2026	14:37:23	14:58:17	61C-21492	12.350	6.860	5.490	
	04/01/2026	18:11:17	18:16:21	61C-21492	12.080	6.870	5.210	
	Tổng						21.860	
1	05/01/2026	06:18:00	06:25:59	61C-21492	11.890	6.860	5.030	
2	05/01/2026	09:48:42	09:54:03	61C-21492	12.370	6.870	5.500	
3	05/01/2026	13:17:30	13:22:33	61C-21492	12.250	6.870	5.380	
	05/01/2026	17:02:17	17:18:58	61C-21492	12.090	6.850	5.240	
	Tổng						21.150	
I	Tổng cộng từ 01/01/2026 đến 05/01/2026							106.790
II	Trung bình 01 ngày (I/5)							21.358

Theo nội dung Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom được tổng hợp như sau:

Bảng 2: Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025

Stt	Đơn vị hành chính	Khối lượng rác thu gom (tấn/ngày)					Tỷ lệ%
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Xã Thanh Phú	2,10	2,28	2,50	2,75	3,02	10,50%
2	Xã Thông Hòa	1,42	1,56	1,70	1,86	2,04	7,10%
3	Xã Hòa Ân	0,84	0,92	1,01	1,10	1,21	4,20%
4	Xã An Phú Tân	0,98	1,05	1,12	1,20	1,29	4,90%
5	Xã Tam Ngãi	1,50	1,62	1,75	1,89	2,05	7,50%
6	Xã Phong Thạnh	0,86	0,94	1,03	1,12	1,22	4,30%
7	Xã Châu Điền	0,95	1,18	1,28	1,40	1,52	4,75%
8	Thị trấn Cầu Kè	6,65	7,22	7,83	8,50	9,24	33,25%
9	Xã Ninh Thới	1,21	1,30	1,40	1,51	1,63	6,05%
10	Xã Phong Phú	1,94	2,04	2,19	2,35	2,53	9,70%
11	Xã Hòa Tân	1,54	1,67	1,80	1,95	2,11	7,75%
	Tổng cộng	20,00	21,77	23,61	25,63	27,84	100%

(Nguồn: Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cầu Kè giai đoạn 2021-2025)

Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi

Căn cứ khối lượng CTRSH trên địa bàn huyện Cầu Kè cũ và dữ liệu tính toán tại Đề án được phê duyệt, đơn vị tư vấn áp dụng tỷ lệ rác thải phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi để làm cơ sở tính toán chi phí thực hiện, cụ thể như sau:

Bảng 3: Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi

Stt	Đơn vị hành chính	Khối lượng rác thu gom (tấn/ngày)	Tỷ lệ%
	Xã Tam Ngãi		
1	Xã Tam Ngãi cũ	1,60	7,50%
2	Xã Thông Hòa cũ	1,52	7,10%
3	Xã Thanh Phú cũ	2,24	10,50%
	Tổng cộng	5,36	



Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi

Qua khảo sát, thu thập số liệu về hiện trạng dân cư, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở trên địa bàn xã Tam Ngãi, đơn vị tư vấn tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom được tổng hợp như sau:

Bảng 4: Tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom

Đơn vị hành chính	Số hộ gia đình <4 người	Hộ kinh doanh	Định mức phát sinh CTRSH ⁸ (kg/người.ngày)	Khối lượng CTRSH hộ gia đình được thu gom (kg/ngày)	Khối lượng CTRSH công ty, doanh nghiệp, khách vãng lai được thu gom ⁹ (kg/ngày)	Tổng khối lượng CTRSH được thu gom (kg/ngày)
	(1)	(2)	(3)	(4)=[(1)*4+(2)*4]*(3)	(5)=(4)*20%	(6)=(4)+(5)
Tam Ngãi cũ	234	92	0,8	1.043,20	208,64	1.251,84
Thông Hòa cũ	151	155	0,8	979,20	195,84	1.175,04
Thạnh Phú cũ	376	155	0,8	1.699,20	339,84	2.039,04
Tổng cộng (kg/ngày)				3.721,60	744,32	4.465,92
Tổng cộng (tấn/ngày)				3,72	0,74	4,47

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

⁸ Định mức phát sinh CTRSH theo QCVN 01:2021/BXD.

⁹ Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề: quản lý chất thải rắn. Định mức phát sinh CTRSH tại khu vực nông thôn.

✚ Chọn dữ liệu CTRSH phát sinh được thu gom, vận chuyển thực tế tại bảng số 3 để làm cơ sở xác định khối lượng tính toán cho Phương án là phù hợp. Cụ thể:

- Khối lượng CTRSH phát sinh thực tế được thu gom dựa trên các tuyến đường hiện hữu.

- Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom sẽ làm cơ sở để tính đúng và tính đủ khối lượng để phục vụ cho công tác lập dự toán, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt dự toán trong tương lai. Khi nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng hoàn thành, nhà thầu phải đính kèm phiếu cân rác hàng ngày, nhật ký thực hiện để làm cơ sở thanh toán.

✚ Tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028

- Ngày 26/12/2025, Ban Thường vụ xã Tam Ngãi, UBND xã Tam Ngãi và các bên có liên quan thống nhất nội dung khối lượng thực hiện công tác thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã Tam Ngãi, trong đó phát sinh thêm 05 tuyến đường thu gom mới, với tổng số hộ tăng thêm khoảng 250 hộ dân.

- Khối lượng CTRSH phát sinh tăng thêm là 0,8 tấn/ngày.

→ Vậy tổng khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi là 6,16 tấn/ngày.

Bảng 5: Khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028

St t	Địa giới hành chính	ĐVT	Khối lượng thực hiện (tấn/ngày)			Khối lượng thực hiện (tấn/năm)		
			2026	2027 ⁽¹⁾	2028 ⁽¹⁾	2026	2027 ⁽¹⁾	2028 ⁽¹⁾
1	Xã Tam Ngãi	tấn rác	6,16	6,69	7,27	2.248,40	2.441,76	2.651,75

Chú thích: (1): Tỷ lệ gia tăng CTRSH hàng năm là 8,6%. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề: quản lý chất thải rắn. Định mức phát sinh CTRSH tại khu vực nông thôn.

3.2. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TAM NGÃI

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và hoàn thiện quy định pháp luật

a. Công tác tuyên truyền, chỉ đạo, trách nhiệm của hệ thống chính trị

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác phân loại rác tại nguồn, phong trào chống rác thải nhựa, chấp hành nghiêm túc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (Theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội tại các ấp; gắn trách nhiệm của người đứng đầu nếu xảy ra các tồn tại, vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các ấp.

b. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn

Rà soát, bố trí, phân bổ thùng chứa rác thải sinh hoạt cho các ấp đáp ứng đầy đủ đảm bảo thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Nghiên cứu xây dựng các điểm tập kết rác thải đảm bảo thuận tiện cho nhân dân và xe thu gom rác trong quá trình hoạt động.

c. Bố trí nguồn lực tài chính thực hiện

Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn về đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và thu gom rác thải; tăng cường nguồn lực tài chính, tranh thủ các nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới,

Áp dụng Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 về quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Hàng năm, bố trí phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

d. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với các cơ quan, đoàn thể trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Xử lý nghiêm túc kịp thời đối với các trường hợp thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải không đúng quy định, không chấp hành giá dịch vụ thu, gom vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Tăng cường vai trò giám sát cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó có việc giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của đơn vị thực hiện hợp đồng.

2. Giải pháp về kỹ thuật và công nghệ

Kêu gọi đầu tư, xây dựng các công trình, hệ thống xử lý CTRSH có công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại như xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt, công nghệ sinh học,...

3.3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUẢN LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TAM NGÃI

1. Kế hoạch quản lý CTRSH trên địa bàn xã Tam Ngãi

1.1. Phân loại CTRSH

Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt đưa ra nhận diện tối đa chủng loại CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân theo 3 nhóm chất thải chính, trong đó:

Nhóm (1) CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được nhận diện với 8 phân nhóm nhỏ gồm Giấy thải, Nhựa thải, Kim loại thải, Thủy tinh thải, Vải, đồ da, Đồ gỗ, Cao su, Thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

Nhóm (2) Chất thải thực phẩm được nhận diện với 2 phân nhóm nhỏ gồm Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.

Nhóm (3) CTRSH khác được nhận diện với 3 phân nhóm nhỏ gồm Chất thải nguy hại, Chất thải công kênh và Chất thải khác còn lại.

Việc phân loại CTRSH thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 hoặc tài liệu hướng dẫn của địa phương.

1.2. Triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã Tam Ngãi

1.2.1. Tổng hợp khối lượng thực hiện

Căn cứ theo nhu cầu của địa phương, điều kiện hạ tầng kỹ thuật giao thông của xã Tam Ngãi và kết quả khảo sát của đơn vị tư vấn, khối lượng thực hiện được tổng hợp như sau:

Bảng 6: Tổng hợp khối lượng thực hiện thu gom, vận chuyển trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028

Stt	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	Khối lượng thực hiện		
			2026	2027 ⁽¹⁾	2028 ⁽¹⁾
1	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác, cự ly 30km < L <= 35km, xe ép rác 4 tấn (tần suất 02 ngày/lần)	tấn rác	2.248,40	2.441,76	2.651,75
2	Vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt (tần suất 01 tuần/lần)	100 thùng	70,200	88,400	106,600

Chú thích: (1): Tỷ lệ gia tăng CTRSH hàng năm là 8,6%. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề: quản lý chất thải rắn. Định mức phát sinh CTRSH tại khu vực nông thôn.

1.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển CTRSH

1. Yêu cầu chung

a) Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông theo quy định;

b) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, chất thải, cháy nổ và các sự cố khác theo quy định;

c) Khuyến khích đầu tư, đổi mới các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

d) Chấp hành đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định.

e) Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân (quần áo, giày (ủng cao su), khẩu trang, găng tay, áo phản quang, nón bảo hộ lao động,...); các phương tiện thực hiện vào ban đêm phải trang bị đèn cảnh báo, thiết bị phản quang.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công;

b) Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom theo quy định;

c) Không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện. Che phủ kín đối với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển;

d) Kịp thời khắc phục sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

3. Bố trí thùng chứa CTRSH trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028

Căn cứ theo hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của khu vực và nhu cầu của địa phương, nhà thầu cần bố trí số lượng thùng chứa rác như sau:

Bảng 7: Tổng hợp số lượng thùng chứa CTRSH trên địa bàn xã Tam Ngãi giai đoạn 2026-2028

Stt	Tuyến đường	Chiều dài (km)	ĐVT	Số lượng thùng chứa		
				Năm 2026	Năm 2027 ⁽¹⁾	Năm 2028 ⁽¹⁾
1	Đường huyện 32	5,1	thùng	25	5	5
2	Đường tỉnh 911	5,5	thùng	50	10	10
3	Đường tỉnh 913	7,0	thùng	15	5	5
4	Quốc lộ 54	4,3	thùng	15	5	5
5	Đường nhựa ấp Kinh Xuôi	4,0	thùng	20	5	5
6	Đường nhựa ấp Ô Chích	3,0	thùng	10	5	5
	TỔNG CỘNG		thùng	135	35	35
	Tổng số thùng nhà thầu cần trang bị cho giai đoạn 2026-2028		thùng	205		

Ghi chú:

- (1): Dự kiến số thùng cần bổ sung do hư hỏng trong quá trình sử dụng.
- Số lượng, vị trí bố trí thùng phải đảm bảo theo nhu cầu sử dụng của địa phương thông qua việc thỏa thuận của nhà thầu và các Trưởng ban nhân dân áp theo nguyên tắc thùng chứa phải đặt ở các vị trí điểm nóng, có phát sinh lượng rác lớn hàng ngày (Khu dân cư, chợ, khu hành chính tập trung,...).

1.2.3. Quy trình kỹ thuật thực hiện và thành phần công việc

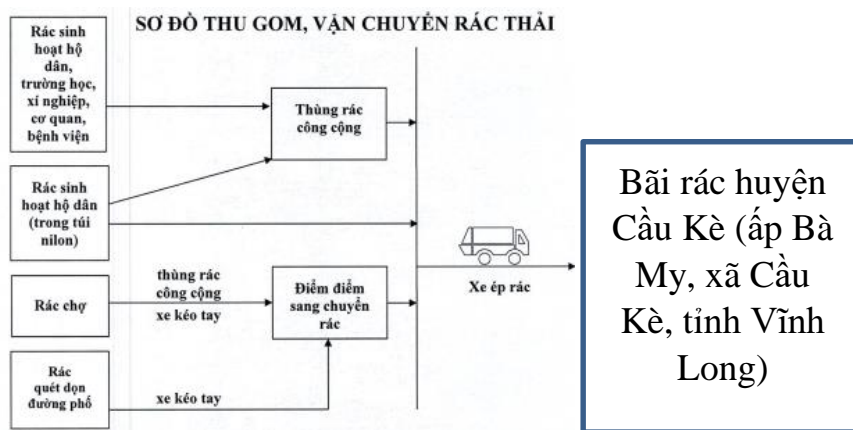
1./ Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác, cự ly $30\text{km} < L \leq 35\text{km}$, xe ép rác 4 tấn

A./ Thành phần công việc

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Kéo thùng trên vỉa hè đến điểm tập kết, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

B./ Triển khai phương án thực hiện

SƠ ĐỒ TUYẾN VẬN DI CHUYỂN CỦA XE THU GOM



Hình 2: Sơ đồ tuyến thực hiện của xe ép rác

✚ Thuyết minh sơ đồ

- Xe thu gom (xe ép rác) từ bãi đổ di chuyển theo các tuyến đường để thu gom rác từ các thùng chứa rác và từ các hộ dân.

- Sau khi kết thúc chu trình thu gom (xe đầy) sẽ di chuyển về khu vực Bãi xử lý rác để bàn giao.

- Xe thu gom (xe ép rác) sẽ thực hiện lại chu trình thu gom mới.

✚ Các tuyến đường cần đảm bảo phương tiện di chuyển thu gom, vận chuyển về nơi xử lý

Bảng 8: Các tuyến đường cần đảm bảo thu gom, vận chuyển

Stt	Tuyến đường	Chiều dài (km)	Tần suất	Ghi chú	Địa điểm xử lý
1	Đường huyện 32	5,1	02 ngày/lần	Giáp xã An Phú Tân đến điểm cuối giáp ranh xã Cầu Kè	Bãi rác huyện Cầu Kè (ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)
2	Đường tỉnh 913	5,1		Giáp xã Cầu Kè đến Đường tỉnh 911	
3	Đường tỉnh 911	7,0		Giáp xã Vĩnh Xuân đến giáp xã Tân An	
4	Quốc lộ 54	4,3		Cầu kênh 15 đến giáp xã Vĩnh Xuân	
5	Tuyến đường nhựa từ cầu Bung Lớn đến ĐH32	2,4		Cầu Bung Lớn giáp ranh xã Vĩnh Xuân đến ĐH32	
6	Tuyến đường ấp Rạch Nghệ	6,8		Cổng chào Rạch Nghệ (ĐH32) đến ấp Bung Lớn A	
7	Tuyến đường ấp Kinh Xuôi	2,8		Quốc lộ 54 đến Ngã ba miếu	
8	Tuyến đường liên ấp Ngọc Hồ - Giồng Nổi	2,8		Khu tưởng niệm cầu Me Tây	
9	Tuyến đường liên ấp Ngọc Hồ - Ngãi Nhất	1,5		Cầu Mặc Hàn đến chợ Cây Xanh	
10	Tuyến đường cặp sông Ngãi Nhất	2,0		Cầu Ngãi Nhi đến ngã 3 nhà ông Hai Dũng	
	Tổng cộng	30,8			

Ghi chú: Trong quá trình triển khai thực hiện, đơn vị trúng thầu phải lập bảng kế hoạch thực hiện chi tiết và trình chủ đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện. Kế hoạch cần trình bày đầy đủ các nội dung sau:

- + Phương tiện thu gom (Biển số, tài xế);
- + Thời gian hoạt động (Ca sáng/trưa/chiều/tối);
- + Lộ trình chi tiết thu gom.

2./ Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt

Thành phần công việc

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng;
- Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng;
- Dùng giẻ lau, bàn chải cước, xà phòng cọ rửa thùng;
- Lau kho bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng;
- Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Bảng 7 của Phương án.

1.2.4. Yêu cầu kỹ thuật về trang thiết bị, nhân sự

Bảng 9: Danh mục trang thiết bị và nhân sự chủ chốt

Stt	Danh mục	Số lượng tối thiểu cần có	Ghi chú
I	Danh mục thiết bị		
1	Xe ép rác chuyên dùng tải trọng <4T	01	Có đầy đủ giấy chứng nhận, đăng kiểm hợp lệ, còn hiệu lực
2	Thùng chứa rác tối thiểu 240L	135	Còn tốt, đảm bảo không bị rò rỉ khi sử dụng
II	Nhân sự chủ chốt		
1	Quản lý chung /Chỉ huy trưởng	01	Có chuyên ngành về môi trường, chứng chỉ ATLĐ, giấy chứng nhận huấn luyện PCCC do cơ quan chức năng cấp
2	Tổ trưởng	01	Có chuyên ngành về môi trường, chứng chỉ ATLĐ, giấy chứng nhận huấn luyện PCCC do cơ quan chức năng cấp
3	Cán bộ thu giá dịch vụ	01	-

1.3. Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển

Đối tượng thu, nộp và mức thu:

- Thu giá dịch vụ: Là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

- Đối tượng nộp: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được đơn vị thu gom, vận chuyển thải sinh hoạt phục vụ.

- Mức thu, áp dụng cho từng đối tượng theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Bảng 10: Tổng hợp số lượng các đối tượng thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Tam Ngãi

STT	Đối tượng thu	Số lượng
	Nguồn thu theo tháng	
I	Hộ gia đình	
1	Hộ gia đình có ≤ 4 người	1.011
2	Hộ gia đình > 4 người	-
II	Tổ chức /cơ sở dịch vụ	
1	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	
1.1	Nhà trọ	
	Từ 1- 10 phòng	6
	Từ 11 - 20 phòng	-
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.2	Khách sạn; nhà nghỉ không có dịch vụ ăn uống	
	Từ 1- 10 phòng	8
	Từ 11 - 20 phòng	-
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.3	Khách sạn; nhà nghỉ có dịch vụ ăn uống	
	Từ 1- 10 phòng	-
	Từ 11 - 20 phòng	-
	Từ 21 phòng trở lên	-
1.4	Dịch vụ ăn uống	
	Diện tích $\leq 15 m^2$	34
	Diện tích từ $15 m^2 - 30 m^2$	2
	Diện tích từ $30 m^2 - 50 m^2$	-
	Diện tích $> 50 m^2$	-

STT	Đối tượng thu	Số lượng
2	Giáo dục và đào tạo	
2.1	Trường học có hoạt động bán trú	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh -300 học sinh	3
	Từ 301 học sinh -500 học sinh	-
	Từ 501 học sinh -700 học sinh	-
	Từ 701 học sinh -1000 học sinh	-
	Từ 1001 học sinh -1500 học sinh	-
	Từ 1501 trở lên	-
2.2	Trường học không có hoạt động bán trú	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh -300 học sinh	8
	Từ 301 học sinh -500 học sinh	-
	Từ 501 học sinh -700 học sinh	-
	Từ 701 học sinh -1000 học sinh	-
	Từ 1001 học sinh -1500 học sinh	-
	Từ 1501 trở lên	-
2.3	Ký túc xá	
	Dưới 10.000 chỗ	-
	Từ 10.000 chỗ trở lên	-
3	Cơ sở y tế	
3.1	Bệnh viện/bệnh viện đa khoa khu vực trung tâm y tế	
	Có 50 giường trở xuống	-
	Từ 51-100 giường	-
	Từ 101-200 giường	-
	Từ 201-300 giường	-
	Từ 301-400 giường	-
	Từ 401-500 giường	-
	Từ 501 giường trở lên	-
3.2	Phòng khám đa khoa	-
3.3	Phòng khám tư nhân	13
3.4	Các trạm y tế xã, phường thị trấn	1

STT	Đối tượng thu	Số lượng
4	Giao thông vận tải	
	-Bến xe	-
	-Bến phà	-
5	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	
	-Trung tâm thương mại, siêu thị	-
	-Khu du lịch, khu vui chơi giải trí có dịch vụ ăn uống	-
	-Khu du lịch, khu vui chơi giải trí không có dịch vụ ăn uống	-
	-Các loại hình kinh doanh dịch vụ giải trí khác	-
6	Bán buôn và bán lẻ	
6.1	Hộ kinh doanh cá thể	
	<i>Diện tích $\leq 5 m^2$</i>	402
	<i>Diện tích từ $5m^2$- $20 m^2$</i>	6
	<i>Diện tích $> 20 m^2$</i>	-
6.1	Hộ vừa rau , quả	
	<i>Diện tích $\leq 5 m^2$</i>	-
	<i>Diện tích từ $5m^2$- $20 m^2$</i>	-
	<i>Diện tích $> 20 m^2$</i>	-
7	Doanh nghiệp, công ty	
	Có 10 người trở xuống	60
	Từ 11 người -50 người	3
	Từ 51 người -200 người	4
	Từ 201 người -400 người	-
	Từ 401 người -600 người	-
	Từ 601 người -800 người	-
	Từ 801 người -1000 người	-
	Từ 1001 người -2000 người	-
	Từ 2001 người -4000 người	-
	Từ 4001 người -6000 người	-
	Từ 6001 người -8000 người	-
	Từ 8001 người -10000 người	-

STT	Đối tượng thu	Số lượng
	Từ 10000 người trở lên	-
8	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp	
	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp	6

Nguồn thu giá dịch vụ trên địa bàn xã Tam Ngãi trong năm 2026 dự kiến là 550.200.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT).

Tổng nguồn thu giá dịch vụ năm 2026-2028 là: 1.650.600.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

3.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan đầu mối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai các nội dung của Phương án. Chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND xã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Phương án.

- Tham mưu cho UBND xã trong công tác lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu khối lượng thực hiện và thanh toán chi phí thực hiện cho đơn vị trúng thầu theo nguồn vốn phân bổ (phần kinh phí ngân sách cấp bù).

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT tại các cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn xã.

- Phối hợp Phòng Văn hóa – Xã hội tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân biết Luật Bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân dân; vận động, thuyết phục nhân dân đăng ký đổ chất thải rắn, chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định, thực hiện ý thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa để thuận lợi cho công tác thu gom nhằm phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị truyền thông, các tổ chức chính trị xã hội xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng hình thành thói quen phân loại CTRSH tại nguồn, lối sống thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng chất thải phát sinh tại nguồn (sử dụng sản phẩm tái sinh, dễ phân hủy, hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt hàng ngày).

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chỉ đạo rà soát, cập nhật, lồng ghép nội dung quản lý CTR vào quy chế quản lý các khu di tích, khu du lịch trên địa bàn xã. Phổ biến, tuyên truyền các nội dung về giữ gìn vệ sinh môi trường bằng các hình ảnh trực quan như pa-nô, áp phích/biêu trưng thông điệp giữ gìn vệ sinh môi trường tại các địa điểm du lịch trên địa bàn xã.

- Phổ biến các tin, bài liên quan đến các quy định về quản lý CTR; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về quản lý CTR và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tổ chức đăng tải lên Trang thông tin điện tử xã các thông tin về nội dung Phương án và cách thức tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2026-2028 đến cộng đồng, các mô hình hay, cách làm hiệu quả về phân loại rác tại nguồn; xây dựng các chuyên mục, tin bài phản ánh các hành vi vi phạm quy định về phân loại, xử lý rác thải.

3. Trưởng Ban nhân dân Ấp

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân, cộng đồng dân cư, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nhằm bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cho người dân, cũng như các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với nhà thầu trúng thầu tổ chức bố trí thùng chứa rác hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bỏ rác đúng quy định và đơn vị thu gom vận chuyển rác thu gom dễ dàng. Thường xuyên rà soát, đề xuất với đơn vị thầu thực hiện thay thế thùng rác bị hư hỏng, không còn sử dụng được trên các tuyến đường theo phương án đề ra.

- Niêm yết Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công khai tại trụ sở Ban nhân dân Ấp

- Niêm yết công khai số điện thoại dây nóng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để tiếp thu phản ánh của người dân;

- Tổ chức giám sát quá trình thực hiện của nhà thầu trúng thầu thường xuyên để kịp thời báo cáo đến Phòng Kinh tế khi phát hiện nhà thầu thực hiện chưa đúng các nội dung theo Đề án được duyệt.

- Vận động các cá nhân, tổ chức trên địa bàn thực hiện tốt công tác đóng phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

- Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyên giao CTRSH cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom CTRSH.

4. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (đơn vị trúng thầu)

- Tổ chức thực hiện công việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa đã bố trí và thùng chứa của người dân, tổ chức đặt trên tuyến đường thu gom; công tác thu gom, vận chuyển phải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh thùng chứa và quét dọn rác thải sinh hoạt rơi vãi trong quá trình thực hiện công tác thu gom, vận chuyển.

- Xây dựng kế hoạch, sắp xếp, bố trí thời gian thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các điểm thu gom hợp lý; không được thu gom, vận chuyển vào giờ cao điểm và phải đảm bảo thường xuyên, liên tục, không để tồn đọng; đề ra quy chế hoạt động cụ thể và lịch trình thực hiện báo cáo về cơ quan quản lý biết để giám sát, kiểm tra.

- Phối hợp với các Trưởng Ban nhân dân Ấp để thông báo rộng rãi cho nhân dân trong vùng phục vụ thu gom biết lịch thu gom, vận chuyển để phối hợp thực hiện đạt hiệu quả. Đảm bảo tần suất công việc thu gom, vận chuyển theo phương án này, có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng phải

đảm bảo thu gom hết rác thải sinh hoạt, không để tồn đọng gây ô nhiễm môi trường.

- Tự tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc Ủy nhiệm thu đối với các Trưởng Ban nhân dân Ấp. Định kỳ báo cáo số thu về Phòng Kinh tế và Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi.

- Đảm bảo trang bị đúng và đầy đủ các phương tiện, thiết bị theo nội dung Phương án được duyệt.

- Ưu tiên sử dụng các loại phương tiện, thiết bị sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường;

- Lập nhật ký thực hiện thu gom, vận chuyển và có xác nhận về khối lượng CTRSH được thu gom vận chuyển về Bãi rác huyện Cầu Kè tại xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long.

*** Chế độ báo cáo:**

Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm báo cáo:

- Báo cáo đến Phòng Kinh tế về khối lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng (từ ngày 01 đến ngày 05).

- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong công tác vận hành đến Phòng Kinh tế để được xem xét, tháo gỡ.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.